

Số: /2026/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 16 tháng 10 năm 2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3896/TTr-SYT ngày 07 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp với các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công

Thương và các sở, ngành, đơn vị liên quan:

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, kiện toàn Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao. Thành phần Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao gồm đại diện: Lãnh đạo Sở Y tế làm Chủ tịch Hội đồng; lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và lãnh đạo Sở Công Thương làm Phó Chủ tịch Hội đồng; lãnh đạo một số sở, ngành có liên quan làm thành viên Hội đồng; Lãnh đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế làm Thư ký Hội đồng.

- Quyết định thành lập, kiện toàn Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao. Thành phần Tổ giúp việc gồm: Lãnh đạo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế làm Tổ trưởng; đại diện lãnh đạo, chuyên viên một số đơn vị, phòng trực thuộc các sở: Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương và đơn vị có liên quan làm thành viên Tổ giúp việc.

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này; hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm Bộ tiêu chí và lập hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao; đề xuất cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện, duy trì Bộ tiêu chí và hoạt động thẩm định, kiểm tra của Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện.

- Ban hành kế hoạch xây dựng xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao hằng năm trên địa bàn tỉnh.

b) Là đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao của các xã, phường; phối hợp Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao, Tổ giúp việc thực hiện thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

d) Định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; đề xuất giải pháp kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện các tiêu chí liên quan đến lĩnh vực quản

lý; cử lãnh đạo, cán bộ chuyên môn tham gia Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao; thực hiện thẩm định hồ sơ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Bộ Tiêu chí tại các xã, phường.

3. Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Bộ tiêu chí và kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định, các sở, ngành, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật (ưu tiên lồng ghép vào các hoạt động chi thường xuyên của các sở, ngành, đơn vị, địa phương và các chương trình, đề án có liên quan).

4. Các sở, ngành, đơn vị liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đánh giá, chấm điểm Bộ Tiêu chí và lập hồ sơ đề nghị thẩm định, công nhận xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

b) Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao và Tổ giúp việc.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội tại xã, phường tăng cường các hoạt động tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội đối với việc thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm; phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường tham gia xây dựng, thực hiện, duy trì Bộ tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện Bộ tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao; chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị tham mưu thực hiện Bộ tiêu chí.

b) Chủ động tự đánh giá, chấm điểm việc thực hiện các tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao; hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị thẩm định, công nhận xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

c) Cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ công tác thẩm định, đánh giá, kiểm tra, giám sát xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao theo quy định.

d) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách và huy động nguồn lực của xã, phường, chủ động bố trí kinh phí triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Y tế (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục KTVB&TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Công thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, VHXH_{NVH}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục
BỘ TIÊU CHÍ XÃ, PHƯỜNG AN TOÀN THỰC PHẨM, AN TOÀN THỰC PHẨM
NÂNG CAO TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày /2026 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

A. BỘ TIÊU CHÍ VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM XÃ, PHƯỜNG AN TOÀN THỰC PHẨM, AN TOÀN THỰC PHẨM NÂNG CAO TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Hướng dẫn chấm điểm	Điểm chi tiết
I	TỔ CHỨC BỘ MÁY	5		5
1	Thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm xã, phường	3	Có Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Ban Chỉ đạo	1
			Có Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo	1
			Tổ chức họp định kỳ tối thiểu 6 tháng/lần; họp tổng kết và họp đột xuất khi cần thiết	1
2	Thành lập Tổ giám sát cộng đồng an toàn thực phẩm thôn, bản, phố	2	Có Quyết định thành lập hoặc kiện toàn và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Tổ giám sát tại thôn, bản, phố	1
			Hoạt động thường xuyên, hiệu quả	1
II	CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH	20		20
3	Đưa mục tiêu xây dựng, công nhận xã, phường an toàn thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm nâng cao vào Nghị quyết hoặc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	2	Nghị quyết hoặc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã, phường có mục tiêu xây dựng, công nhận xã, phường an toàn thực phẩm hoặc an toàn thực phẩm nâng cao hàng năm	1
			Có nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện mục tiêu trong Nghị quyết hoặc Kế hoạch hàng năm	1
4	Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao về an toàn thực phẩm	4	Có ban hành văn bản đề cụ thể hoá và triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được cấp trên giao về an toàn thực phẩm phù hợp với tình hình của xã, phường	2
			Triển khai, thực hiện đúng tiến độ	2
5	Kết quả thực hiện công tác an toàn thực phẩm	4	Báo cáo kết quả thực hiện hàng quý, 6 tháng, hàng năm, các đợt cao điểm,	

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Hướng dẫn chấm điểm	Điểm chi tiết
	định kỳ, đột xuất		đột xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng. Trong đó:	
			100% có báo cáo, đúng tiến độ theo yêu cầu	4
			Từ 80% đến dưới 100% có báo cáo, đúng tiến độ theo yêu cầu	2
			Từ 60% đến dưới 80% có báo cáo, đúng tiến độ theo yêu cầu	1
6	Có cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm có lợi thế, chủ lực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; các sản phẩm được đăng ký nhãn hiệu	4	Có danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm chủ lực, có lợi thế	1
			Có kế hoạch lựa chọn, xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến đối với sản phẩm có lợi thế, chủ lực	1
			Cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: Giấy chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, HACCP, ISO 22000,...	1
			Sản phẩm chủ lực, có lợi thế có Bản tiếp nhận hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa của cơ quan có thẩm quyền	1
7	Có cách làm hay, sáng tạo mang lại hiệu quả trong công tác quản lý an toàn thực phẩm	4	Có sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học về an toàn thực phẩm cấp cơ sở trở lên	1
			Có giải pháp hoặc cách làm hiệu quả về quản lý an toàn thực phẩm	1
			Áp dụng công nghệ số trong công tác quản lý an toàn thực phẩm	1
			Áp dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý an toàn thực phẩm	1
8	Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động và giám sát công tác bảo đảm an toàn thực phẩm	2	Có quy chế hoặc chương trình phối hợp giữa Ủy ban nhân dân xã, phường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp	1
			Hoạt động thường xuyên, hiệu quả	1
III	THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN	20		20
9	Tổ chức thông tin, tuyên	8	Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện	6

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Hướng dẫn chấm điểm	Điểm chi tiết
	truyền về an toàn thực phẩm		các hình thức truyền thông. Trong đó:	
			- Phát thanh	1
			- Băng rôn hoặc khẩu hiệu	1
			- Tờ rơi, tờ gấp	1
			- Pano	1
			- Tin hoặc bài trên báo hoặc trên website của cơ quan hoặc trên mạng xã hội	1
			- Các hình thức truyền thông khác	1
			Phối hợp các sở, ngành, cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm trên địa bàn	2
			Chủ trì tổ chức hội nghị, tập huấn kiến thức cho cán bộ quản lý an toàn thực phẩm xã, phường và thôn, bản, phố. Trong đó:	3
			- 100% cán bộ được tập huấn	3
			- Từ 80% đến dưới 100% cán bộ được tập huấn	2
			- Từ 60% đến dưới 80% cán bộ được tập huấn	1
10	Tổ chức hội nghị, tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	8	Chủ trì tổ chức hội nghị, tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Trong đó:	3
			- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố được tham dự hội nghị, tập huấn	3
			- Từ 80% đến dưới 100%	2
			- Từ 60% đến dưới 80%	1
			Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh tổ chức hội nghị, tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	2
11	Khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công tác an	4	Có Bằng khen của cấp có thẩm quyền đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn thực	2

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Hướng dẫn chấm điểm	Điểm chi tiết
	toàn thực phẩm		phẩm	
			Có Giấy khen hoặc các hình thức khen thưởng khác của cấp có thẩm quyền đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn thực phẩm	1
			Biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình, tiên tiến trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng	1
IV	QUẢN LÝ CƠ SỞ THỰC PHẨM	34		34
12	Thống kê cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố	4	Có Danh sách cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố trên địa bàn quản lý. Trong đó: - Cập nhật các thông tin cần thiết: Tên cơ sở, địa chỉ, loại hình, thông tin việc tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm - Phân loại theo cấp quản lý - Phân loại theo ngành quản lý	4 2 1 1
13	Quản lý việc cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm	12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (đối với cơ sở thuộc diện phải có Giấy chứng nhận). Trong đó: - 100% cơ sở được cấp - Từ 80 đến dưới 100% cơ sở được cấp - Từ 60% dưới 80% cơ sở được cấp Ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm). Trong đó: - 100% cơ sở ký cam kết - Từ 80 đến dưới 100% cơ sở ký cam kết - Từ 60% dưới 80% cơ sở ký cam kết	6 6 4 2 6 6 4 2
14	Quản lý chợ kinh doanh thực phẩm hoặc cửa hàng	16	Chợ kinh doanh thực phẩm có thông báo bản công bố hợp chuẩn hoặc	

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Hướng dẫn chấm điểm	Điểm chi tiết
	kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu		Quyết định công nhận chợ kinh doanh thực phẩm đối với chợ tạm; duy trì thực hiện các yêu cầu đối với chợ kinh doanh thực phẩm. Trong đó:	10
			- 100% chợ đạt yêu cầu	10
			- Từ 80% đến dưới 100% chợ đạt yêu cầu	8
			- Từ 60% đến dưới 80% chợ đạt yêu cầu	6
			Cửa hàng kinh doanh thực phẩm có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực hoặc Bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Trong đó:	6
			- 100% cửa hàng đạt yêu cầu	6
			- Từ 80% đến dưới 100% cửa hàng đạt yêu cầu	4
			- Từ 60% đến dưới 80% cửa hàng đạt yêu cầu	2
15	Theo dõi các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm tự công bố sản phẩm hoặc đăng ký bản công bố sản phẩm	2	Tự công bố sản phẩm: Danh sách thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu; danh sách sản phẩm thực phẩm tự công bố chất lượng sản phẩm; hồ sơ tự công bố của cơ sở	1
			Đăng ký bản công bố sản phẩm: Danh sách thống kê các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu thực phẩm; danh sách sản phẩm thực phẩm thuộc diện đăng ký bản công bố sản phẩm; hồ sơ đăng ký bản công bố của cơ sở	1
V	KIỂM TRA, XỬ LÝ VÀ CÔNG KHAI VI PHẠM	12		12
16	Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm	8	Triển khai kiểm tra định kỳ dịp Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân.	2
			Triển khai kiểm tra định kỳ dịp Tháng hành động vì an toàn thực phẩm	2
			Triển khai kiểm tra định kỳ dịp Tết Trung thu	2

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Hướng dẫn chấm điểm	Điểm chi tiết
			Kiểm tra đột xuất khi có thông tin phản ánh, kiến nghị hoặc chỉ đạo của cấp trên	1
			Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh thực hiện công tác kiểm tra an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý	1
17	Phát hiện, xử lý và công khai vi phạm quy định về an toàn thực phẩm	4	Phát hiện các hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm	1
			Áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm đúng quy định của pháp luật	2
			Công khai thông tin cơ sở vi phạm, hành vi vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng	1
VI	GIÁM SÁT VÀ PHÒNG CHỐNG NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM	6		6
18	Xử lý ngộ độc thực phẩm và sự cố về an toàn thực phẩm xảy ra trên địa bàn	4	Trạm Y tế thực hiện các nhiệm vụ theo dõi, báo cáo, xử lý ngộ độc thực phẩm hoặc sự cố về an toàn thực phẩm (đối với xã, phường không để xảy ra ngộ độc thực phẩm hoặc sự cố về an toàn thực phẩm đạt điểm tối đa). Trong đó:	4
			- Lập sổ theo dõi, thống kê ngộ độc thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm	1
			- Báo cáo vụ ngộ độc thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm xảy ra trên địa bàn	1
			- Sơ cứu, cấp cứu kịp thời người nghi ngờ bị ngộ độc thực phẩm	1
			- Điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, sự cố về an toàn thực phẩm và phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm	1
19	Công tác giám sát an toàn thực phẩm	2	Kế hoạch giám sát an toàn thực phẩm theo chỉ đạo của cấp trên; trong đó, có nội dung giám sát đối với các sản phẩm thực phẩm chủ lực, có lợi thế	1

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Hướng dẫn chấm điểm	Điểm chi tiết
			của xã, phường Trạm Y tế thực hiện lấy mẫu, gửi mẫu hoặc xét nghiệm nhanh mẫu thực phẩm trên địa bàn, báo cáo kết quả xét nghiệm	1
VII	KINH PHÍ THỰC HIỆN	3		3
20	Bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương hoặc huy động từ các nguồn hợp pháp khác thực hiện công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn	3	Quyết định phê duyệt hoặc bố trí kinh phí cho hoạt động quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn, hoặc tài liệu, chứng từ, minh chứng nguồn hỗ trợ kinh phí khác	3
Tổng điểm		100		100

B. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG AN TOÀN THỰC PHẨM, AN TOÀN THỰC PHẨM NÂNG CAO TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, CÔNG NHẬN

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận xã, phường an toàn thực phẩm

a) Tự đánh giá, chấm điểm

Căn cứ Bộ tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm; các xã, phường tự rà soát, đánh giá, chấm điểm việc thực hiện từng nội dung tiêu chí. Trường hợp có điểm đạt theo quy định tại tiểu mục II mục B Phụ lục này thì hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm gửi bản scan kèm văn bản đề nghị về Sở Y tế (qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc), đồng thời gửi 03 bộ hồ sơ đóng cuốn A4 (qua bưu điện hoặc trực tiếp) về Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế. Hồ sơ, gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm.
- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm việc thực hiện các tiêu chí an toàn thực phẩm.
- Các hồ sơ, tài liệu, hình ảnh chứng minh kèm theo.

Thời gian nộp hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm: trước ngày 15/10 hằng năm; riêng năm 2026 trước ngày 30/7/2026.

b) Thẩm định hồ sơ

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường; Sở Y tế chuyển hồ sơ cho Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao. Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định xã,

phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tổ chức thẩm định hồ sơ, gửi báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ về Sở Y tế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc có điểm đạt không theo quy định tại tiểu mục II mục B Phụ lục này thì Sở Y tế thông báo cho các xã, phường tiếp tục rà soát, thực hiện và hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm.

c) Đề nghị công nhận

Trường hợp hồ sơ đầy đủ và có điểm đạt theo quy định tại tiểu mục II mục B Phụ lục này; Sở Y tế hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận xã, phường an toàn thực phẩm. Hồ sơ, gồm:

- Tờ trình đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm.
- Báo cáo thẩm định, chấm điểm xã, phường an toàn thực phẩm.
- Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã, phường an toàn thực phẩm.

Thời gian trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã, phường an toàn thực phẩm: thực hiện hằng quý, hoàn thành trước ngày 15/11 hằng năm; riêng năm 2026 hoàn thành trước ngày 30/9/2026.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao

a) Đăng ký xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao

Hằng năm, Ủy ban nhân dân xã, phường đăng ký thực hiện xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao với Sở Y tế để tổng hợp, theo dõi thực hiện.

b) Tự đánh giá, chấm điểm

Trên cơ sở Bộ tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao, Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức tự đánh giá, chấm điểm việc thực hiện các nội dung tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao. Trường hợp có điểm đạt theo quy định tại tiểu mục II mục B Phụ lục này thì hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao gửi bản scan kèm văn bản đề nghị về Sở Y tế (qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc); đồng thời, gửi 03 bộ hồ sơ đóng cuốn A4 (qua bưu điện hoặc trực tiếp) về Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Sở Y tế. Hồ sơ, gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao.
- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm việc thực hiện các tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao.
- Quyết định công nhận xã, phường an toàn thực phẩm.
- Các hồ sơ, tài liệu, hình ảnh chứng minh kèm theo.

Thời gian nộp hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao: Hoàn thành trước ngày 15/10 hằng năm; riêng năm 2026 hoàn thành trước ngày 15/11/2026.

c) Thẩm định hồ sơ

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường; Sở Y tế chuyển hồ sơ cho Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao. Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tổ chức thẩm định hồ sơ, gửi báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ về Sở Y tế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc có điểm đạt không theo quy định tại tiểu mục II mục B Phụ lục này thì Sở Y tế thông báo cho các xã, phường tiếp tục rà soát, thực hiện và hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao.

d) Thẩm định thực tế

Trường hợp hồ sơ đầy đủ và dự kiến điểm đạt theo quy định tại tiểu mục II mục B Phụ lục này; Hội đồng thẩm định, Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định xã, phường an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tổ chức thẩm định, chấm điểm thực tế từng nội dung tiêu chí tại xã, phường.

đ) Đề nghị công nhận

Trường hợp xã, phường có điểm đạt thực tế theo quy định tại tiểu mục II mục B Phụ lục này; Hội đồng thẩm định gửi báo cáo kết quả thẩm định về Sở Y tế. Sở Y tế hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao. Hồ sơ, gồm:

- Tờ trình đề nghị công nhận xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao.
- Báo cáo thẩm định, chấm điểm xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao.
- Quyết định công nhận xã, phường an toàn thực phẩm.
- Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao.

Thời gian trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao: Hoàn thành trước ngày 15/11 hằng năm; riêng năm 2026 hoàn thành trước 15/12/2026.

II. ĐIỂM ĐẠT

1. Thang điểm tối đa: 100 điểm.

2. Mức điểm đạt

a) Xã, phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Danh sách xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do cơ quan có thẩm quyền ban hành):

- Đối với tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm: Đạt từ 70 điểm trở lên.
- Đối với tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao: Đạt từ 80 điểm trở lên.

b) Các xã, phường còn lại:

- Đối với tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm: Đạt từ 75 điểm trở lên.
- Đối với tiêu chí xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao: Đạt từ 85 điểm trở lên.

3. Điều kiện công nhận xã, phường an toàn thực phẩm nâng cao

- a) Được công nhận xã, phường an toàn thực phẩm
- b) Thực hiện tiêu chí 6, tiêu chí 7 và mỗi tiêu chí phải đạt ít nhất 1 điểm trở lên.

4. Cách tính điểm, đánh giá

- a) Điểm số của mỗi tiêu chí căn cứ vào kết quả, mức độ đạt của từng nội dung tiêu chí (chi tiết tại cột Hướng dẫn chấm điểm kèm theo Bộ Tiêu chí; hướng dẫn của Sở Y tế và các Sở, ngành chuyên môn).
- b) Từ năm 2026 đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm đánh giá./.